

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 399/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2024.

“V/v Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 499/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 478/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2024/QĐST-DS ngày 11/11/2024 các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống tại Đài Loan – Trung Quốc. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S – sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn B được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/2/2015 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị H và anh B chung sống hòa thuận được 2 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm, lối sống, suy nghĩ, tính cách, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có sự tin tưởng. Năm 2018, anh B đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng rất ít liên lạc hay hỏi thăm nhau về công việc, cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đạt được kết quả mong muốn. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Hải Y – sinh ngày 27/01/2016 và Nguyễn Vũ Hoàng A – sinh ngày 12/7/2017. Chị đề nghị giao hai con cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi các con trưởng thành, trong thời gian anh B ở nước ngoài chị đồng ý để ông S là ông nội hai cháu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn S (bố đẻ của anh B) xác định: Hiện nay anh B đang lao động ở Đài Loan-Trung Quốc, gia đình không có địa chỉ cụ thể. Anh B vẫn giữ liên lạc về gia đình. Năm 2023 chị H trở về nhà bố mẹ đẻ ở Quảng Ninh sinh sống; Hai cháu Nguyễn Hải Y và Nguyễn Vũ Hoàng A từ đó sống với ông bà nội. Ông S đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh B biết. Anh B không gửi văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, nhưng thông qua liên lạc với gia đình, anh B xác định giữa anh và chị H có mâu thuẫn, không hòa hợp và không có sự tin tưởng, nay chị H đề nghị giải quyết ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung anh B đề nghị giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Trong thời gian anh B ở nước ngoài, anh đồng ý để ông S tạm thời chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu. Ông S sau đồng ý và có trách nhiệm thay anh B tạm nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Hải Y và Nguyễn Vũ Hoàng A. Về tài sản chung anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các con chung của chị H và anh B là Nguyễn Hải Y và Nguyễn Vũ Hoàng A đều có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội.

Tại biên bản xác minh ở địa phương thể hiện: Chị H và anh B có đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian chung sống với nhau không hòa hợp, hay bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống. Nay chị H có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H, ông S vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh B vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn giấu địa chỉ. Về việc giải

quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B; Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hải Y và Nguyễn Vũ Hoàng A cho anh Nguyễn Văn B nuôi dưỡng cho đến khi hai con trưởng thành; trong thời gian anh B ở nước ngoài, đề nghị tạm giao cho ông S có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu. Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Anh B hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan – Trung Quốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị H, ông S đề nghị xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn B được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống một thời gian, chị H và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp từ quan điểm, tính cách, nên thường xuyên cãi nhau, không có sự tin tưởng nhau. Đến năm 2018, anh B đã đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng rất ít liên lạc hay hỏi thăm nhau về công việc, cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và không ai quan tâm đến ai. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua quan điểm của địa phương, đại diện gia đình và các đương sự, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Xử cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh B có hai con chung là Nguyễn Hải Y – sinh ngày 27/01/2016 và Nguyễn Vũ Hoàng A – sinh ngày 12/7/2017. Hiện các con chung sống cùng với ông nội là Nguyễn Văn S tại xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Chị H đề nghị để anh B nuôi cả hai con và nhất trí để ông S tạm nuôi các cháu trong thời gian anh B ở nước ngoài. Xét thấy các con chung của chị H, anh B đang sinh sống ổn định tại gia đình anh B và được ăn học đầy đủ tại Trường tiểu học xã T, huyện N. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học hành của các con chung, việc giao cho anh B nuôi con là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Anh B tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có), theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Vũ Thị Hồng ly H1** với anh **Nguyễn Văn B.**

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hải Y – sinh ngày 27/01/2016 và Nguyễn Vũ Hoàng A – sinh ngày 12/7/2017 cho anh Nguyễn Văn B nuôi dưỡng cho đến các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn B không yêu cầu chị Vũ Thị H phải cấp dưỡng cho con.

Chị Vũ Thị H có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tạm giao các con chung là Nguyễn Hải Y – sinh ngày 27/01/2016 và Nguyễn Vũ Hoàng A – sinh ngày 12/7/2017 cho ông Nguyễn Văn S chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Nguyễn Văn B ở nước ngoài.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005185 ngày 04/10/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan. Thời gian kháng cáo kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân phong, huyện Ninh Giang
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân